

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1785* /LĐTBXH-TCGDNN
V/v báo cáo và đề xuất thực hiện Nghị
định số 31/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày *11* tháng *6* năm 2021

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; Doanh nghiệp;
- Các Hiệp hội nghề nghiệp; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia.

Để xây dựng Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP¹ theo công văn số 63/VPCP-TH ngày 11/01/2021 của Văn phòng Chính phủ về Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2021, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội dự thảo Báo cáo tình hình thực hiện Nghị định (có dự thảo Báo cáo kèm theo) và đề nghị Quý Cơ quan:

1. Cho ý kiến góp ý đối với dự thảo Báo cáo nêu trên.

2. Căn cứ chức năng, quyền hạn, phạm vi quản lý xem xét, đề xuất thay đổi, loại bỏ, bổ sung công việc (theo Hệ thống ngành nghề kinh doanh của Việt Nam hiện hành) ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn, sức khỏe của cá nhân người lao động và cộng đồng phải có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia được ban hành tại phụ lục kèm theo Nghị định số 31/2015/NĐ-CP theo mẫu ở Phụ lục I, gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp trình Chính phủ theo quy định. Để có thêm cơ sở cho việc rà soát, đề xuất, Quý Cơ quan có thể tham khảo các Bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia đã được ban hành, công bố ở Phụ lục II kèm theo.

Văn bản góp ý và đề xuất nêu trên gửi về Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội qua Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp – Tòa nhà Minori, số 67A Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội và gửi file điện tử (word) qua địa chỉ hòm thư nvcuong@molisa.gov.vn trước ngày 25/6/2021 *VP*

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTTT Bộ LĐTB&XH (để đăng tải);
- TTTT Tổng cục GDNN (để đăng tải);
- Lưu VT, TCGDNN.



¹ Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Về tình hình triển khai, thực hiện Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

(Kèm theo văn bản số 1785/BLĐTBXH-TCGDNN ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Mục đích đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

Điều 29 Nghị định quy định mục đích đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (KNNQG) gồm:

1. Đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG nhằm công nhận cấp độ kỹ năng nghề nghiệp theo trình độ của người lao động (NLĐ).

2. Người lao động được tham gia đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG để hoàn thiện năng lực nghề nghiệp của bản thân, tìm công việc phù hợp hoặc công việc yêu cầu phải có chứng chỉ KNNQG.

Khoản 1 Điều 32 Nghị định quy định: Tiêu chuẩn KNNQG được xây dựng theo từng bậc trình độ kỹ năng nghề cho mỗi nghề và khung trình độ KNNQG. Số lượng bậc trình độ kỹ năng nghề phụ thuộc vào mức độ phức tạp của từng nghề.

2. Tình hình thực hiện

Nhằm triển khai thực hiện các nội dung tại Nghị định số 31/2015/NĐ-CP của Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì, trình ban hành và sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, gồm:

- Năm 2015: ban hành Thông tư 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/5/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về cấp và quản lý chứng chỉ KNNQG và Thông tư 56/2015/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về xây dựng, thẩm định và công bố tiêu chuẩn KNNQG

- Năm 2016: ban hành Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG;

- Năm 2018: xây dựng, trình ban hành Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện

đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Năm 2019: ban hành Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/10/2015 quy định về chứng chỉ KNNQG, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ KNNQG và Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/03/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG;

- Năm 2020: chỉ đạo xây dựng, ban hành Quyết định số 309/QĐ-TCGDNN ngày 29/5/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ban hành Quy định về việc biên soạn, quản lý và thiết lập ngân hàng đề thi đánh giá KNNQG.

- Năm 2021: đang xây dựng Quy chế tổ chức các kỳ đánh giá KNNQG và Cẩm nang hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn KNNQG.

Như vậy, khung trình độ KNNQG và tiêu chuẩn KNNQG xây dựng theo quy định của Luật Việc làm và hướng dẫn chi tiết tại Thông tư số 56/2015/TT-BLĐTBXH còn được sử dụng để:

+ Đối với doanh nghiệp và người sử dụng lao động: cơ sở để xây dựng các yêu cầu về năng lực thực hiện công việc; cơ sở để thực hiện phỏng vấn, đánh giá năng lực của ứng viên tham gia tuyển dụng; cơ sở để bố trí việc làm phù hợp với năng lực của NLĐ, giảm chi phí đào tạo lại trước khi bố trí sử dụng; cơ sở để định mức trả tiền lương, tiền công cho NLĐ; xác định các năng lực cần thiết để thực hiện công việc theo các vị trí việc làm cụ thể.

+ Đối với quản lý Nhà nước: cơ sở để xác định điều kiện cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá KNNQG, xây dựng các ngân hàng đề thi và thực hiện đánh giá, công nhận, cấp chứng chỉ KNNQG cho NLĐ tiến đến chuẩn hóa và phát triển kỹ năng cho nguồn lực lao động quốc gia; xác định, dự báo nhu cầu lao động và nhu cầu kỹ năng tương lai; điều tiết, định hướng, xây dựng chính sách đảm bảo kết nối cung cầu giữa cơ sở đào tạo, giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp; hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp dựa vào kỹ năng nghề.

+ Đối với cơ sở đào tạo, giáo dục nghề nghiệp: cơ sở để thiết kế, xây dựng và phát triển chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo/bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu của ngành công nghiệp và thị trường lao động; căn cứ để xác định năng lực đầu vào của người học từ đó thiết kế nội dung, áp dụng phương pháp đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng cá nhân người học giúp tối ưu hóa thời gian và kinh phí đào tạo; căn cứ để xác định các tiêu chí đánh giá kết quả đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; thực hiện định hướng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên trước khi tốt nghiệp.

+ Đối với NLD: căn cứ để xác định, tìm kiếm công việc phù hợp với năng lực của bản thân; cơ sở để xây dựng kế hoạch để phát triển kỹ năng và thăng tiến nghề nghiệp theo nhu cầu.

3. Kết quả thực hiện

Đến hết năm 2020, đã thẩm định, ban hành tiêu chuẩn KNNQG ở 193 nghề, trong đó xây dựng và cập nhật, bổ sung theo Nghị định là 41 nghề. Ban hành ngân hàng đề thi đánh giá KNNQG ở 96 nghề, trong đó xây dựng và cập nhật, bổ sung theo Nghị định là 29 nghề. Xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo về nghiệp vụ đánh giá KNNQG và tổ chức đào tạo, cấp thẻ đánh giá viên KNNQG cho 1.734 người.

Danh mục công việc ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn, sức khỏe của cá nhân NLD và cộng đồng phải có chứng chỉ KNNQG quy định tại Điều 28 của Nghị định, gồm: (1) Đào, chống lò; (2) Vận hành máy, thiết bị khai thác than trong hầm lò; (3) Sửa chữa bảo dưỡng thiết bị y tế sử dụng điện tử, điều khiển bằng điện tử, khí áp lực và quang học; (4) Vận hành xe, máy thi công xây lắp đường hầm; (5) Vận hành xe, máy thi công xây lắp đường hầm; (6) Vận hành xe, máy thi công xây lắp đường hầm; (7) Vệ sinh lau dọn bề ngoài các công trình cao tầng trên 10 tầng; (8) Quản lý và phục vụ tại khu vui chơi, giải trí trong tầng hầm có diện tích trên 1000m². Đến nay, đã xây dựng tiêu chuẩn KNNQG, ngân hàng đề thi và tổ chức đánh giá cho gần 45.000 lượt NLD ở bậc trình độ 1,2,3 của các nghề Giám định khối lượng, chất lượng than; Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò; Kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò và nghề Kỹ thuật xây dựng mỏ hầm lò.

Hình thành được 49 tổ chức đánh giá KNNQG phân bố tại các vùng kinh tế trọng điểm trên cả nước. Tổ chức đánh giá cho hơn 70.000 lượt NLD, trong đó có hơn 60.000 lượt NLD được công nhận, cấp chứng chỉ KNNQG ở các bậc 1,2,3.

Công bố 03 thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia về (1) Cấp; cấp lại; cấp đổi, bổ sung giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG; (2) Cấp; cấp lại; cấp đổi, bổ sung thẻ đánh giá viên KNNQG và (3) Cấp; cấp lại; cấp đổi chứng chỉ KNNQG. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính và từng bước áp dụng công nghệ thông tin vào giải quyết các thủ tục hành chính liên quan nhằm đáp ứng nhu cầu về đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG của NLD.

Xây dựng, đưa vào sử dụng trang thông tin điện tử về phát triển kỹ năng nghề kynangnghe.gov.vn, tiến đến triển khai đánh giá, công nhận, xác minh và tra cứu thông tin về chứng chỉ KNNQG trực tuyến.

Thực hiện hợp tác quốc tế, nghiên cứu kinh nghiệm về các mô hình đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề của các nước phát triển, như: Hàn Quốc, Nhật Bản, Vương quốc Anh,.. để áp dụng hiệu quả vào triển khai hệ thống đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG ở Việt Nam.

Nghiên cứu kinh nghiệm về việc tổ chức các mô hình Hội đồng tư vấn, Hội đồng kỹ năng nghề của quốc tế như: Úc, Tổ chức Lao động thế giới ILO, Đan

Mạch,...Thí điểm mô hình hội đồng kỹ năng nghề nhằm tăng cường sự tham gia của hiệp hội, cộng đồng doanh nghiệp vào xây dựng tiêu chuẩn KNNQG, đánh giá xác định kỹ năng thiếu hụt của NLD giúp phát triển hệ thống đánh giá, công nhận kỹ năng, cấp chứng chỉ KNNQG cho NLD; nghiên cứu, xây dựng mô hình học tập suốt đời giúp NLD tự học tập, rèn luyện hoặc tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng để không ngừng nâng cao kỹ năng, năng lực hành nghề.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

a) Các quy định tại Nghị định số 31/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn Nghị định đã tạo cơ sở pháp lý để triển khai hoạt động xây dựng tiêu chuẩn KNNQG; ngân hàng đề thi và tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG cho NLD góp phần chuẩn hóa, công nhận kỹ năng, tăng tỷ lệ lao động có văn bằng chứng chỉ, từ đó hình thành được hệ thống đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG đang ngày càng lớn mạnh và phát huy hiệu quả.

b) Trong thời gian gần đây, việc đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn bị nhân lực có kỹ năng nghề được Đảng, Nhà nước rất quan tâm chỉ đạo do vậy đã có nhiều chuyển biến tích cực nhận thức của xã hội về chuẩn hóa, công nhận, đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề. Cụ thể:

- Ngày 06/6/2014 Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Chỉ thị số 37-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao. Trong đó Ban Chấp hành Trung ương chỉ đạo hoàn thiện hệ thống pháp luật về giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nhân lực có tay nghề cao; đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng năng lực, kỹ năng nghề tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh; nâng cao năng lực dự báo nguồn nhân lực có tay nghề cao thuộc các lĩnh vực, ngành nghề, đặc biệt là đối với các ngành, lĩnh vực mũi nhọn, công nghiệp hỗ trợ, các khu công nghiệp, khu chế xuất, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Ngày 28/5/2020 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 24/CT-TTg về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới với nhiều chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về khuyến khích các doanh nghiệp công nhận, tuyển dụng, sử dụng, trả tiền lương, tiền công cho NLD dựa trên kỹ năng và năng lực hành nghề; tuyển dụng, sử dụng NLD đã qua đào tạo hoặc có chứng chỉ KNNQG; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hệ thống quản lý và đánh giá kỹ năng nghề; tăng cường năng lực hệ thống đánh giá, công nhận và cấp chứng chỉ KNNQG; rà soát, sửa đổi, bổ sung danh mục các ngành, nghề phải sử dụng lao động có chứng chỉ KNNQG.

- Ngày 01/10/2020 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1486/QĐ-TTg lấy ngày 4/10 hằng năm là "Ngày Kỹ năng lao động Việt Nam" tôn nhằm kêu gọi cộng đồng hưởng ứng và ủng hộ phát triển kỹ năng lao động bằng các hành động cụ thể để nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam, góp phần nâng cao

năng suất, hiệu quả lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia. Khích lệ tinh thần học tập, rèn luyện suốt đời để nâng cao kỹ năng trình độ của học sinh, sinh viên và NLD; tôn vinh và khẳng định vị thế, tầm quan trọng của NLD có kỹ năng, nhất là NLD có tay nghề cao, kỹ năng nghề nghiệp xuất sắc.

- Ngày 26/11/2020 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ban hành Danh mục nghề nghiệp Việt Nam. Theo đó danh mục nghề nghiệp Việt Nam (bao gồm 5 cấp, có mô tả chung và nhiệm vụ chủ yếu theo nghề) sử dụng trong công tác thống kê về lao động Việt Nam và làm cơ sở để quản lý lao động theo nghề.

Các văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước tạo điều kiện thực hiện hiệu quả các quy định tại Nghị định về chuẩn hóa và phát triển kỹ năng nghề cho NLD thông qua đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG.

c) Khung trình độ KNNQG, ngân hàng câu hỏi bài kiểm tra kiến thức, bài kiểm tra thực hành, các tổ chức đánh giá KNNQG đã hình thành nên hệ thống đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG và được coi là một mô hình hữu hiệu để gắn kết hiệu quả 3 bên gồm Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp trên cơ sở lấy tiêu chuẩn KNNQG là trung tâm.

d) Khung trình độ KNNQG, tiêu chuẩn KNNQG trở thành cơ sở quan trọng để thực hiện dự báo kỹ năng tương lai, hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp dựa vào kỹ năng nghề.

e) Khung trình độ KNNQG, tiêu chuẩn KNNQG làm cơ sở để các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng thực hiện tuyển dụng, bố trí sử dụng dựa vào kỹ năng thay vào bằng cấp của NLD theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ “đề nghị các bộ, ngành, doanh nghiệp sớm từ bỏ tư duy tuyển dụng dựa vào bằng cấp, chuyển sang cơ chế tuyển dụng theo kỹ năng, kỹ nghệ, có như thế mới mong tìm được người tài, người giỏi” tại cuộc gặp gỡ, đối thoại với công nhân, lao động kỹ thuật cao diễn ra ở Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05/5/2019.

f) Các văn bản quy định, hướng dẫn chi tiết để tổ chức thực hiện công tác đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG và xây dựng các bộ tiêu chuẩn KNNQG, ngân hàng câu hỏi thi được cập nhật, bổ sung thường xuyên. Một số tiêu chuẩn KNNQG, ngân hàng đề thi được xây dựng có chất lượng, đáp ứng được yêu cầu sản xuất, kinh doanh và sự phát triển của ngành công nghiệp.

g) Các bộ, ngành, cộng đồng doanh nghiệp ngày càng quan tâm, thể hiện rõ nhu cầu lao động có kỹ năng. Bước đầu hình thành sự kết nối cung - cầu giữa giáo dục nghề nghiệp, phát triển kỹ năng và yêu cầu của ngành công nghiệp.

h) Nhà trường, doanh nghiệp, NLD dần dần đã nhận thức được việc đánh giá KNNQG là cơ hội để nâng cao chuẩn đầu ra cho học sinh, sinh viên, NLD có chứng chỉ góp phần nâng cao hiệu suất, chất lượng công việc, đảm bảo an toàn lao động... Bước đầu, một số doanh nghiệp đã chủ động đăng ký, phối hợp tổ chức và tạo điều kiện cho NLD tham gia đánh giá. Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam

đã khẳng định được vai trò, giá trị của chứng chỉ KNNQG và có cơ chế, chính sách cụ thể cho việc đánh giá, công nhận kỹ năng, cấp chứng chỉ KNNQG cho NLD của Tập đoàn tham gia tại các vị trí công việc có ảnh hưởng đến an toàn, sức khỏe của NLD và cộng đồng theo quy định.

i) Một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã nhận thức được vai trò quan trọng của tiêu chuẩn KNNQG và hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG cho nguồn nhân lực, từ đó đã xây dựng, cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo dựa vào tiêu chuẩn KNNQG đáp ứng yêu cầu của ngành công nghiệp, đảm bảo người học sau khi tốt nghiệp dễ tìm kiếm việc làm (trung bình cả nước hơn 80%).

k) Trình độ kỹ năng nghề của NLD Việt Nam đã được khẳng định ở trường quốc tế, được thế giới công nhận và đánh giá cao ở một số lĩnh vực.

l) Đội ngũ đánh giá viên và cán bộ chuyên gia của nhiều đơn vị được đào tạo bài bản, tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về đánh giá KNNQG và đã được tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng khác ở các quốc gia phát triển, có kinh nghiệm về đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG, như: tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Vương quốc Anh, Úc, Malaysia...

m) Một số tổ chức đánh giá KNNQG trực thuộc Tổng công ty, Tập đoàn có mối quan hệ rất chặt chẽ với các doanh nghiệp trực thuộc Tập đoàn/Tổng công ty, có quy định cụ thể về việc thực hiện công tác đánh giá, công nhận kỹ năng cho NLD trước khi bố trí, sử dụng, đặc biệt là đối với các công việc nặng nhọc, độc hại, công việc yêu cầu phải có chứng chỉ KNNQG theo quy định tại Điều 28, Điều 29 và Điều 30 của Nghị định. Một số đơn vị được đầu tư xây dựng đồng bộ, có cơ sở vật chất, hệ thống nhà xưởng, máy móc thiết bị hiện đại do vậy đã thu hút được NLD tham gia đánh giá, có uy tín và khẳng định thương hiệu với doanh nghiệp.

2. Tồn tại

a) Khoản 2 Điều 29 Luật Việc làm năm 2013 quy định “Người lao động được tham gia đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG để hoàn thiện năng lực nghề nghiệp của bản thân, tìm công việc phù hợp hoặc công việc yêu cầu phải có chứng chỉ KNNQG”. Tuy nhiên, chính sách giúp NLD xác định kỹ năng thiếu hụt để tự bồi dưỡng, rèn luyện hoặc tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nhằm hoàn thiện năng lực nghề nghiệp của bản thân khi tham gia đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG chưa được quy định, hướng dẫn.

b) Thủ tục hành chính về cấp; cấp lại; cấp đổi chứng chỉ KNNQG hiện nay đang được quy định ở cấp Thông tư (Thông tư 38/2015/TT-BLĐTBXH) mà chưa được quy định ở Nghị định theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

c) Điều 28 của Nghị định quy định danh mục công việc ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn, sức khỏe của cá nhân NLD và cộng đồng phải có chứng chỉ KNNQG bao gồm 08 công việc. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa ban hành tiêu chuẩn và ngân hàng đề thi cho các công việc: (1) Sửa chữa bảo dưỡng thiết bị y tế sử dụng điện

từ, điều khiển bằng điện tử, khí áp lực và quang học; (2) Vận hành xe, máy thi công xây lắp đường hầm (ngoài khu vực mỏ, hầm lò); (3) Vận hành xe, máy thi công xây lắp đường hầm (ngoài khu vực mỏ, hầm lò); (4) Vận hành xe, máy thi công xây lắp đường hầm (ngoài khu vực mỏ, hầm lò); (5) Vệ sinh lau dọn bề ngoài các công trình cao tầng trên 10 tầng; (6) Quản lý và phục vụ tại khu vui chơi, giải trí trong tầng hầm có diện tích trên 1.000m².

d) Bộ Luật Lao động 2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 có một số quy định liên quan đến hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG. Hiện nay, Chính phủ chưa có Nghị định quy định để thực hiện các nội dung được quy định tại Bộ Luật này. Trong khi đó, các quy định liên quan tại Nghị định số 31/2015/NĐ-CP chưa được bổ sung, điều chỉnh đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất. Cụ thể:

- Khoản 2 Điều 212 quy định nội dung quản lý nhà nước về việc xây dựng khung trình độ KNNQG. Tuy nhiên, khung trình độ KNNQG đang được quy định ở Thông tư số 56/2015/TT-BLĐTBXH chưa đủ tính hiệu lực, hiệu quả theo yêu cầu phát triển nhân lực có kỹ năng và năng lực hành nghề của ngành, lĩnh vực kinh tế, cộng đồng doanh nghiệp và thị trường lao động.

- Điểm b Khoản 2 Điều 59 quy định Nhà nước có chính sách dự báo nhu cầu và xây dựng tiêu chuẩn KNNQG; tổ chức đánh giá và công nhận kỹ năng nghề; phát triển năng lực nghề nghiệp cho NLD. Hiện nay, nguồn lực để xây dựng, cập nhật, bổ sung các tiêu chuẩn KNNQG còn hạn chế, chưa có quy định nguồn chi, ảnh hưởng đến việc chủ động xây dựng, cập nhật bổ sung theo yêu cầu của phát triển của ngành công nghiệp; thiếu chính sách dự báo nhu cầu.

- Khoản 4 Điều 4 quy định Nhà nước có chính sách đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho NLD. Trong khi đó, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, tự học tập, rèn luyện của NLD để phát triển kỹ năng nghề theo khung trình độ KNNQG chưa được quy định, hướng dẫn.

- Điểm đ Khoản 2 Điều 6 quy định người sử dụng lao động có nghĩa vụ tham gia phát triển tiêu chuẩn KNNQG, đánh giá, công nhận kỹ năng nghề cho NLD. Điểm b Khoản 1 Điều 5 quy định NLD có quyền hưởng lương phù hợp với trình độ, kỹ năng nghề trên cơ sở thỏa thuận với người sử dụng lao động. Trong khi đó, chưa có quy định cụ thể về nghĩa vụ tham gia của doanh nghiệp, người sử dụng lao động trong việc phát triển tiêu chuẩn KNNQG, do vậy sự tham gia của họ còn hạn chế. Chính sách đảm bảo quyền lợi của NLD hưởng lương tương ứng với bậc trình độ kỹ năng nghề của họ khi được công nhận, cấp chứng chỉ chưa được quy định, hướng dẫn.

- Khoản 5 Điều 8 quy định cấm các hành vi sử dụng lao động chưa qua đào tạo hoặc chưa có chứng chỉ KNNQG đối với nghề, công việc phải sử dụng lao động đã được đào tạo hoặc phải có chứng chỉ KNNQG. Trong khi đó, chế tài xử lý vi phạm về việc sử dụng lao động ở các vị trí công việc yêu cầu phải có chứng chỉ KNNQG chưa được quy định, hướng dẫn.

- Điểm k Khoản 1 Điều 21 quy định hợp đồng lao động phải có nội dung về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề. Trong khi đó, việc đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề cho NLD, đặc biệt là đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao theo chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương tại Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 06/6/2014 chưa được quy định, hướng dẫn.

e) Ngày 28/5/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 24/CT-TTg về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới, chỉ đạo: khuyến khích các doanh nghiệp công nhận, tuyển dụng, sử dụng, trả tiền lương, tiền công cho NLD dựa trên kỹ năng và năng lực hành nghề; tuyển dụng, sử dụng NLD đã qua đào tạo hoặc có chứng chỉ KNNQG; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hệ thống quản lý và đánh giá kỹ năng nghề; rà soát, sửa đổi, bổ sung danh mục các ngành, nghề phải sử dụng lao động có chứng chỉ KNNQG; Tăng cường năng lực hệ thống đánh giá, công nhận và cấp chứng chỉ KNNQG; Bộ Kế hoạch và Đầu tư nâng cao năng lực dự báo, thống kê về lao động có kỹ năng, nhất là những kỹ năng trong tương lai, những ngành, nghề mới.

Trong khi đó, các quy định hiện tại của Luật Việc làm 2013, Nghị định số 31/2015/NĐ-CP về cơ chế công nhận, tuyển dụng, sử dụng, trả tiền lương tiền công cho NLD chưa có. Chế tài xử lý vi phạm sử dụng lao động tại các vị trí công việc yêu cầu phải có chứng chỉ KNNQG chưa được quy định. Nguồn tài chính đảm bảo tính khả thi và khả thi ổn định của hệ thống đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG chưa được quy định, do vậy chưa đáp ứng được yêu cầu thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ ở các nội dung nêu trên.

f) Ngày 05/02/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 176/QĐ-TTg về chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030 trong đó có một số nội dung liên quan đến đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG, cụ thể: mục tiêu cụ thể về tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 30% vào năm 2025 và đạt 35-40% vào năm 2030; tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 80% năm 2025 và 90% năm 2030. Quyết định nêu rõ các nhiệm vụ, giải pháp cần triển khai gồm: kiện toàn tổ chức, nhân sự và nâng cao hiệu quả của các công cụ giám sát, đánh giá, công nhận kỹ năng nghề nghiệp theo tiêu chuẩn quốc gia để NLD được đánh giá và công nhận, phản ánh đúng năng lực làm việc thực tế; thiết kế các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lao động dựa trên các tiêu chuẩn kỹ năng nghề, ứng dụng khoa học công nghệ số.

Theo Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2019 của Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư: trong tổng số 55,77 triệu người từ 15 tuổi trở lên thuộc lực lượng lao động của cả nước, chỉ có khoảng 12,7 triệu người đã được đào tạo, chiếm 22,8% tổng lực lượng lao động. Cả nước có hơn 43,1 triệu người (chiếm 77,2% lực lượng lao động) chưa được đào tạo để đạt một trình độ chuyên môn kỹ thuật nhất định. Như vậy, nếu tính từ đầu năm 2020 đến năm 2030, để đạt được

mục tiêu của Quyết định số 176/QĐ-TTg, số lượng NLĐ cần được đào tạo, có văn bằng, chứng chỉ là rất lớn.

Một số nội dung không thực hiện được theo mục tiêu đặt ra tại Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển Dạy nghề thời kỳ 2011 – 2020 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 630/QĐ-TTg ngày 29/5/2012) gồm: Thành lập Cơ quan chuyên trách thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong việc đánh giá kỹ năng nghề cho NLĐ, xây dựng một số trung tâm đánh giá kỹ năng nghề cho giáo viên dạy nghề; đến năm 2015 ban hành 250 bộ tiêu chuẩn KNNQG, trong đó có 130 bộ tiêu chuẩn cho các nghề trọng điểm quốc gia. Đến năm 2020 ban hành 400 bộ tiêu chuẩn KNNQG, trong đó có 150 bộ tiêu chuẩn cho các nghề trọng điểm quốc gia. Giai đoạn 2011 - 2015 đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG cho khoảng 2 triệu người và giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 6 triệu người.

Trong khi đó, nguồn lực đầu tư để xây dựng, cập nhật các bộ tiêu chuẩn KNNQG và các chính sách đảm bảo quyền lợi cho NLĐ được cấp chứng chỉ giúp tăng tỷ lệ lao động có văn bằng, chứng chỉ chưa được quy định rõ và chưa đảm bảo.

3. Khó khăn, vướng mắc

a) Khung KNNQG đã ban hành cấp Bộ (Thông tư số 56/2015/TT-BLĐTBXH) được 10 năm, đã ổn định, mang tính phổ quát nhưng chưa được nâng lên quy định trong Luật hay Bộ Luật. Do đó, chưa có chế tài đủ mạnh để huy động nguồn lực của các bộ, ngành, cơ quan, cộng đồng doanh nghiệp tham gia vào hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG.

b) Hiện nay, xu hướng tự động hóa, điện tử hóa, số hóa, tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế đòi hỏi hệ thống đánh giá cần được thay đổi kịp thời, trong lúc đó việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đánh giá, đào tạo đội ngũ đánh giá viên và cập nhật tiêu chuẩn KNNQG, ngân hàng đề thi đang gặp nhiều khó khăn vì kinh phí chưa được phân bổ thường xuyên, đang phụ thuộc vào kinh phí Chương trình mục tiêu.

c) Hiện nay, số lượng tiêu chuẩn KNNQG được xây dựng còn hạn chế và chưa được chủ động thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Luật Việc làm. Một số bộ tiêu chuẩn đã lạc hậu, không đáp ứng kịp với yêu cầu của ngành công nghiệp nhưng chưa được đầu tư cập nhật, bổ sung dẫn đến các ngân hàng đề thi cũng không được cập nhật kịp thời. Mặt khác, việc đề xuất tên nghề xây dựng tiêu chuẩn KNNQG theo nhu cầu việc làm trong thị trường lao động (nghề nghiệp) nhưng các Bộ chủ trì (thường do đơn vị trực thuộc được giao đề xuất là đơn vị phụ trách đào tạo) thường lựa chọn đề xuất tên nghề nghiệp trùng, lẫn với tên của ngành/nghề trong danh mục ngành/nghề đào tạo do vậy đã gây khó khăn trong quá trình phân tích, xây dựng tiêu chuẩn KNNQG dẫn đến chất lượng tiêu chuẩn KNNQG bị hạn chế.

d) Chưa có hành lang pháp lý và chính sách khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp tuyển dụng, sử dụng, trả tiền lương, tiền công theo kỹ năng và năng lực hành nghề của NLĐ do vậy người chưa đáp ứng được quyền lợi của NLĐ tham gia đánh giá, được công nhận kỹ năng, được cấp chứng chỉ KNNQG.

e) Thiếu chế tài xử lý vi phạm trong việc sử dụng lao động tại các vị trí công việc yêu cầu phải có chứng chỉ KNNQG theo quy định tại Điều 28 đến Điều 30 của Nghị định. Nhiều vị trí công việc quy định tại Điều 28 vẫn chưa được xây dựng tiêu chuẩn KNNQG và ngân hàng đề thi để thực hiện đánh giá, cấp chứng chỉ.

f) Khoản 1 Điều 29 của Nghị định quy định hằng năm, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý xem xét, đề xuất thay đổi, loại bỏ, bổ sung công việc ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn và sức khỏe của cá nhân NLĐ và cộng đồng phải có chứng chỉ KNNQG gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp. Tuy nhiên, đến nay việc thực hiện quy định này chưa được đảm bảo.

g) Cơ cấu bộ máy quản lý và điều hành hoạt động đánh giá KNNQG chưa phù hợp. Đội ngũ cán bộ còn thiếu và yếu, chưa được đào tạo, bồi dưỡng bài bản. Cán bộ thực hiện hoạt động đánh giá KNNQG tại các tổ chức đánh giá KNNQG đa số còn làm việc ở chế độ kiêm nhiệm. Quy mô của hệ thống đánh giá còn nhỏ, yếu chưa đáp ứng nhu cầu đánh giá với số lượng lớn. Chưa triển khai được đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG ở bậc 4 và 5. Nhiều nghề có nhu cầu cần đánh giá, cấp chứng chỉ nhưng chưa được đánh giá do chưa có tiêu chuẩn KNNQG và ngân hàng đề thi.

h) Công tác tư vấn, tham vấn các doanh nghiệp, xã hội và NLĐ về các kỳ đánh giá KNNQG còn hạn chế. Công tác tuyên truyền, thông tin về chứng chỉ KNNQG và hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG chưa đầy đủ do vậy NLĐ và cộng đồng doanh nghiệp chưa hiểu hết vai trò, giá trị của chứng chỉ KNNQG và việc tham gia, đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG.

i) Sự tham gia của doanh nghiệp vào việc xây dựng tiêu chuẩn KNNQG, ngân hàng đề thi, cử NLĐ tham gia đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho NLĐ theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Luật Việc làm còn hạn chế về cả quy mô và mức độ.

k) Điều kiện để triển khai 03 thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG chưa đảm bảo, chủ yếu thực hiện thủ công, chưa áp dụng công nghệ thông tin do vậy chưa đáp ứng được nhu cầu của NLĐ tham gia đánh giá.

l) Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động đánh giá còn hạn chế. Hầu hết các tổ chức đánh giá chưa thực hiện bài kiểm tra kiến thức trên máy tính. Hệ thống camera giám sát ở các tổ chức đánh giá đã được đưa vào sử dụng nhưng

chưa được kết nối đến các cơ quan quản lý nhà nước để đảm bảo sự giám sát kịp thời trong quá trình tổ chức các kỳ đánh giá. Chưa có phần mềm quản lý và điều hành hệ thống đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG.

3. Nguyên nhân

a) Khung trình độ KNNQG chưa có đủ hiệu lực, hiệu quả để thu hút sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và các bên liên quan vào việc phát triển hệ thống đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG. Chưa khẳng định được vai trò, giá trị của chứng chỉ KNNQG.

b) Chưa có quy định phân bổ kinh phí đảm bảo sự khả thi và khả thi ổn định để phát triển hệ thống. Chưa có chính sách đảm bảo quyền lợi cho NLD tham gia đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG.

c) Chưa có cơ chế quy định rõ hoặc chưa khuyến khích được các doanh nghiệp công nhận, tuyển dụng, sử dụng, trả tiền lương, tiền công cho NLD dựa trên kỹ năng và năng lực hành nghề của NLD.

d) Chưa có chế tài xử lý vi phạm việc sử dụng lao động tại các vị trí công việc yêu cầu phải có chứng chỉ KNNQG đã được quy định tại các Điều 28 đến Điều 30 của Nghị định.

e) Cơ cấu bộ máy quản lý, điều hành hoạt động đánh giá KNNQG chưa đáp ứng yêu cầu hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG theo yêu cầu thực tiễn. Điều kiện triển khai hoạt động và giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG chưa được đảm bảo.

III. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Nhằm tăng cường việc chuẩn hóa và phát triển kỹ năng nghề cho NLD, đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, nhất là nhân lực có tay nghề cao giúp nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP hoặc xây dựng Nghị định thực hiện Luật Việc làm 2013 và Bộ Luật Lao động 2019 với một số nội dung, gồm:

1. Quy định khung trình độ KNNQG làm cơ sở để các bộ, ngành tham gia vào việc ban hành các tiêu chuẩn KNNQG ở các ngành, lĩnh vực phụ trách nhằm có căn cứ đánh giá, xác định, công nhận kỹ năng để có cơ sở chuẩn hóa và thống kê chất lượng nguồn lực lao động quốc gia, thực hiện mục tiêu tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 30% vào năm 2025 và đạt 35-40% vào năm 2030 Quyết định 176/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Quy định chính sách khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp công nhận, tuyển dụng, sử dụng, trả tiền lương, tiền công dựa vào kỹ năng và năng lực hành nghề của NLD. Quy định chế tài xử lý vi phạm việc sử dụng lao động tại các công

việc yêu cầu phải có chứng chỉ KNNQG nhằm đảm bảo an toàn, sức khỏe, vệ sinh lao động và đảm bảo quyền lợi khác cho NLD.

3. Quy định chính sách đảm bảo quyền lợi của NLD được hưởng lương phù hợp với trình độ kỹ năng nghề của bản thân. Quy định chính sách tôn vinh những NLD có kỹ năng.

3. Quy định phân bổ ngân sách quốc gia nâng cao năng lực của hệ thống đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG nhằm tăng cường năng lực, mở rộng quy mô và phạm vi đánh giá, đảm bảo độ tin cậy và đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực quốc gia.

4. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính, tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào việc giải quyết các thủ tục hành chính và điều kiện đầu tư kinh doanh đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

5. Quy định cơ cấu bộ máy quản lý và điều hành hoạt động đánh giá KNNQG đảm bảo phù hợp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và định hướng phát triển trong thời gian tới. Quy định chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chuyên gia thực hiện hoạt động đánh giá KNNQG.

6. Quy định việc nghiên cứu, đánh giá xác định kỹ năng thiếu hụt cho NLD tham gia đánh giá KNNQG làm cơ sở dự báo kỹ năng mới trong tương lai, xây dựng chính sách học tập suốt đời theo khung trình độ KNNQG.

7. Quy định về việc tuyên truyền nâng cao nhận thức của NLD, người dân, xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và thu hút sự quan tâm của các cấp có thẩm quyền về phát triển kỹ năng nghề và hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG.

8. Quy định chính sách thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước tham gia vào việc chuẩn hóa và phát triển kỹ năng nghề cho NLD. Tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển kỹ năng nghề, nâng cao năng lực của hệ thống đánh giá, cấp chứng chỉ KNNQG.

Trên cơ sở đó, việc sửa đổi, bổ sung các nội dung nêu trên vào Nghị định số 31/2015/NĐ-CP hoặc xây dựng mới Nghị định để hoàn thiện các quy định liên quan nhằm tạo hành lang pháp lý đủ hiệu lực thực hiện hiệu quả nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam giúp tăng năng suất lao động, tăng năng lực cạnh tranh quốc gia đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong giai đoạn hiện nay là rất cần thiết./.

Phụ lục I

**ĐỀ XUẤT THAY ĐỔI, LOẠI BỎ, BỔ SUNG DANH MỤC CÔNG VIỆC
ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP ĐẾN AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE CỦA CÁ
NHÂN NGƯỜI LAO ĐỘNG HOẶC CỘNG ĐỒNG PHẢI CÓ CHỨNG CHỈ
KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA**

*(Ban hành kèm theo Công văn số 1785/LĐT BXH-TCGDNN ngày 11 tháng 6 năm
2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội).*

**1. Đề xuất thay đổi công việc trong Danh mục được ban hành kèm theo Nghị
định 31/2015/NĐ-CP**

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành	Tên công việc	Bậc trình độ yêu cầu theo khung trình độ KNNQG (nếu có)

**2. Đề xuất loại bỏ công việc trong Danh mục được ban hành kèm theo Nghị
định 31/2015/NĐ-CP**

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành	Tên công việc

**3. Đề xuất bổ sung công việc thuộc Danh mục công việc ảnh hưởng trực tiếp
đến an toàn và sức khỏe của cá nhân người lao động và cộng đồng phải có
chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia**

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành	Tên công việc	Bậc trình độ yêu cầu theo khung trình độ KNNQG (nếu có)

Phụ lục II
DANH SÁCH CÁC TIÊU CHUẨN KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA ĐÃ ĐƯỢC
BAN HÀNH, CÔNG BỐ

STT	TÊN NGHỀ
1.	Nền - Hoàn thiện (đã bao gồm Xây gạch và ốp lát tường và sàn)
2.	Cốt thép - Hàn
3.	Cốp pha - Giàn giáo
4.	Bê Tông
5.	Sản Xuất gốm thô
6.	Sản xuất gạch Ceramic
7.	Sản xuất sứ vệ sinh
8.	Sản xuất kính
9.	Chạm khắc đá
10.	Quản lý cây xanh đô thị
11.	Sửa chữa thiết bị may
12.	Điện công nghiệp
13.	Luyện gang
14.	Sửa chữa máy tính xách tay
15.	Sản xuất hàng may công nghiệp
16.	Công nghệ sợi
17.	Chế biến nông sản thực phẩm
18.	Đo đạc bản đồ
19.	Kiểm nghiệm bột giấy và giấy
20.	Quản lý kinh doanh điện
21.	Vận hành và sửa chữa trạm thủy điện
22.	Vận hành nhà máy thủy điện
23.	Công nghệ dệt
24.	Sản xuất rượu bia
25.	Hệ thống điện
26.	Vận hành thiết bị sàng tuyển than
27.	Giám định khối lượng và chất lượng than
28.	Thương mại điện tử
29.	Sản xuất các chất vô cơ
30.	Chế biến dầu thực vật
31.	Kỹ thuật tua – bin hơi
32.	Thiết kế đồ họa
33.	Nguội chế tạo
34.	Nguội lắp ráp cơ khí
35.	Đo lường điện
36.	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ
37.	Khoan thăm dò địa chất
38.	Luyện thép

39.	Sản xuất phân bón
40.	Thí nghiệm điện
41.	Kỹ thuật lò hơi
42.	Thí nghiệm các sản phẩm hóa dầu
43.	Máy công nghiệp
44.	Điện tử công nghiệp
45.	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh
46.	Vận hành thiết bị hóa dầu
47.	Công nghệ nhiệt luyện
48.	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)
49.	Sản xuất nước giải khát
50.	Rèn, dập
51.	Lắp đặt đường dây tải điện và trạm biến áp
52.	Sửa chữa thiết bị mỏ hầm lò
53.	Cơ điện tử
54.	Sản xuất bánh kẹo
55.	Công nghệ mạ
56.	Sản xuất Pin - Ác quy
57.	Vận hành nhà máy nhiệt điện
58.	Vận hành bơm quạt, máy nén khí
59.	Quản lý, vận hành đường dây và TBA có điện áp 220kV trở lên
60.	Kiểm tra và phân tích hóa chất
61.	Thiết kế Web
62.	Vẽ và thiết kế trên máy tính
63.	Quản trị lữ hành
64.	Quản trị khách sạn
65.	Kỹ thuật chế biến món ăn
66.	Hướng dẫn du lịch
67.	Dịch vụ nhà hàng
68.	Quản trị khu Resort
69.	Quản trị Du lịch MICE
70.	Quản trị dịch vụ giải trí, thể thao, hội nghị
71.	Kiểm nghiệm chất lượng lương thực, thực phẩm
72.	Chế biến và bảo quản thủy sản
73.	Vận hành sửa chữa trạm bơm điện
74.	Bảo vệ thực vật
75.	Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ
76.	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt
77.	Thú y
78.	Chăn nuôi gia súc gia cầm
79.	Lâm sinh
80.	Mộc dân dụng

81.	Kiểm nghiệm đường mía
82.	Mộc mỹ nghệ (Đổi tên nghề Mộc nội thất)
83.	Xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi
84.	Quản lý khu đô thị
85.	Mộc xây dựng và trang trí nội thất
86.	Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ
87.	Cấp nước
88.	Thoát nước
89.	Lắp đặt đường ống nước
90.	Vận hành thiết bị sản xuất xi măng
91.	Lắp đặt điện công trình
92.	Sửa chữa máy thi công xây dựng
93.	Gia công và lắp dựng kết cấu thép
94.	Lắp đặt cầu
95.	Vận hành máy thi công mặt đường
96.	Vận hành máy ủi, xúc, san
97.	Vận hành cầu trục
98.	Xây dựng công trình thủy
99.	Quản trị kinh doanh vận tải đường thủy nội địa
100.	Công nghệ ô tô (Đổi tên thành Công nghệ sửa chữa ô tô)
101.	Phóng dạng và gia công khuôn dưỡng tàu thủy
102.	Trắc địa công trình
103.	Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ
104.	Công nghệ sản xuất bê tông nhựa nóng
105.	Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ
106.	Gia công, lắp ráp hệ thống ống tàu thủy
107.	Gia công, lắp ráp hệ thống nội thất tàu thủy
108.	Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt
109.	Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt
110.	Điều khiển phương tiện thủy nội địa
111.	Kiểm soát không lưu
112.	Tiếp viên hàng không
113.	Kiểm tra soi chiếu an ninh hàng không
114.	Kỹ thuật thiết bị thông tin hàng không
115.	Đặt chỗ bán vé
116.	Kỹ thuật dẫn đường hàng không
117.	Xây dựng cầu đường bộ
118.	Khai thác máy tàu thủy
119.	Điều khiển tàu biển
120.	Lắp ráp hệ thống động lực tàu thủy
121.	Thông tin tín hiệu đường sắt
122.	Công nghệ chế tạo và bảo dưỡng đầu máy

123.	Làm thủ tục hàng không tại cảng hàng không
124.	Quản trị kinh doanh vận tải biển
125.	Đảm bảo an toàn hàng hải
126.	Bảo vệ môi trường biển
127.	Kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò
128.	Kỹ thuật xây dựng mỏ hầm lò
129.	Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò
130.	Hàn
131.	Cắt gọt kim loại trên máy CNC
132.	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp
133.	Quản trị mạng máy tính
134.	Lập trình máy tính
135.	Quản trị cơ sở dữ liệu
136.	Chế tạo thiết bị cơ khí
137.	Điện tử dân dụng
138.	Sửa chữa thiết bị tự động hóa
139.	Vận hành điện trong nhà máy thủy điện.
140.	Kỹ thuật dược
141.	Kỹ thuật thiết bị sản xuất dược
142.	Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy
143.	Xử lý nước thải công nghiệp
144.	Sửa chữa máy tàu thủy
145.	Vận hành nhà máy xử lý chất thải rắn
146.	Điện dân dụng
147.	Vận hành máy xây dựng (nhóm máy phục vụ thi công, gia công cốt liệu)
148.	Bán hàng trong siêu thị
149.	Công nghệ đúc kim loại
150.	Công nghệ sản xuất sản phẩm từ cao su
151.	Marketing thương mại
152.	Khảo sát địa hình
153.	Lắp đặt thiết bị điện
154.	Quản trị kinh doanh xăng dầu và Gas
155.	Chế biến lương thực
156.	Chế biến thực phẩm
157.	Công nghệ sản xuất bột giấy và giấy
158.	Công nghệ cán kéo kim loại
159.	Sửa chữa thiết bị luyện kim
160.	Quản lý khai thác công trình thủy lợi
161.	Vận hành máy nông nghiệp
162.	Trồng cây cao su
163.	Trồng cây cà phê
164.	Trồng cây thuốc lá

165.	Sản xuất hàng mây tre đan
166.	Cơ điện nông thôn
167.	Chế biến mù cao su
168.	Bảo dưỡng trạm thu phát sóng vô tuyến
169.	Lắp đặt thiết bị đầu cuối viễn thông
170.	Kỹ thuật thiết bị điện tử y tế
171.	Kỹ thuật thiết bị hình ảnh y tế
172.	Kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế
173.	May thời trang
174.	Tự động hóa công nghiệp
175.	Sản xuất động cơ điện
176.	Kỹ thuật sơn mài và khảm trai
177.	Phân tích cơ lý - hóa lý xi măng
178.	Khoan đào đường hầm
179.	Trồng cây lương thực
180.	Trồng cây thực phẩm
181.	Công nghệ sản xuất ván nhân tạo
182.	Đúc, dát đồng mỹ nghệ
183.	Trồng rau
184.	Chế biến rau quả
185.	Kỹ thuật dâu tằm tơ
186.	Trồng cây ăn quả
187.	Vận hành, sửa chữa máy tàu cuốc
188.	Phòng và chữa bệnh thủy sản
189.	Sản xuất đường mía
190.	Lễ Tân
191.	Phục vụ buồng
192.	Vận tải hàng hóa thuộc dịch vụ vận tải đường sắt
193.	Cắt gọt kim loại (Tiện vạn năng)
194.	Khai thác thủy sản biển
195.	Phay vạn năng
196.	Giúp việc gia đình
197.	Chăm sóc sắc đẹp (đang đề nghị đổi tên nghề chăm sóc da)
198.	Giám sát thi công công trình (đang đề nghị đổi tên nghề Giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp)
199.	Vệ sinh lau dọn công trình cao tầng

Lưu ý các bộ TCKNNQG trên được đăng tải trên website: www.kynangnghe.gov.vn